

HOSE 10/09/2014

VNINDEX 628.79 1.88 0.30%

KLGD 141,622,120 CP
GTGD 2,451.50 Tỷ
GTR NDTNN - 139.02 Tỷ

CP Tăng giá 141 CP
CP Giảm giá 63 CP
CP Đứng giá 100 CP



HNX 10/9/2014

HNXINDEX 87.86 1.46 1.69%

KLGD 85,973,478 CP
GTGD 1,132.53 Tỷ
GTR NDTNN - 13.65 Tỷ

CP Tăng giá 164 CP
CP Giảm giá 44 CP
CP Đứng giá 171 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 666.42 1.77 0.27%
HNX30 180.29 3.59 2.03%

Tâm điểm

- ▶ **MA20 tỏ rõ sự hỗ trợ tốt cho chỉ số 2 sàn**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,500 tỷ đồng
- ▶ **Kim ngạch xuất khẩu cao su có thể giảm mạnh tới 30%**
Năm nay, sản lượng cao su xuất khẩu ước đạt 1 triệu tấn
TTXVN
- ▶ **WB: VN phải tăng trưởng 9% để bắt kịp Hàn Quốc, Đài Loan**
20 năm qua kinh tế Việt Nam tăng trưởng trung bình 5.7%, cao thứ hai thế giới
Vnexpress
- ▶ **World Bank cảnh báo khủng hoảng việc làm trên toàn cầu**
Từ nay đến năm 2030, cần tạo ra thêm 600 triệu việc làm mới trên toàn cầu
DVO/ Le Figaro
- ▶ **SSC: 8 tháng, lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng**
Năm 2014, Công ty đặt mục tiêu đạt 94.4 tỷ đồng LNST
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **PXT: Ký hợp đồng thầu phụ với Lilama trị giá 218 tỷ đồng**
Thời gian qua, PXT đã liên tục ký nhiều hợp đồng thi công D/A Nhiệt điện Thái Bình 2
DVO

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,117,731	15.6	3.4	19.9%	10.8%
HNX	140,514	14.3	1.8	9.3%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,258,245	17.2	3.3	18.9%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,485	6.8	0.9	13.7%	9.1%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,826	9.5	1.5	16.6%	11.3%	
Thép và sản phẩm thép	39,791	17.4	2.2	20.5%	9.5%	
Khai khoáng	12,206	67.2	5.6	0.3%	0.0%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,588	16.0	1.4	11.5%	7.6%	
Xây dựng	31,666	47.4	1.2	-0.5%	2.1%	
Máy công nghiệp	8,544	9.0	1.4	15.0%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,784	8.5	1.5	18.8%	13.6%	
Lốp xe	8,171	10.2	2.9	27.6%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	19,872	11.5	1.9	18.3%	6.6%	
Thực phẩm	200,536	24.4	4.9	20.7%	16.2%	
Dược phẩm	15,443	10.7	2.9	24.9%	16.4%	
Phần mềm	19,378	12.0	2.5	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	24,702	-	5.8	1.3	-15.9%	0.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	233,961	19.1	6.3	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	30,961	25.3	2.7	10.2%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	27,180	13.7	1.6	9.5%	7.1%	
Ngân hàng	248,001	11.5	1.3	10.6%	0.9%	
Bất động sản	164,136	16.9	2.9	20.4%	5.0%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,703	11.6	2.5	22.6%	9.5%	

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Bà Trưng
Hanoi
Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Kim ngạch xuất khẩu cao su có thể giảm mạnh tới 30%

WB: VN phải tăng trưởng 9% để bắt kịp Hàn Quốc, Đài Loan

World Bank cảnh báo khủng hoảng việc làm trên toàn cầu

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

SSC: 8 tháng, lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng

PXT: Ký hợp đồng thầu phụ với Lilama trị giá 218 tỷ đồng

SSI: Thu hơn 86 tỷ đồng từ việc bán cổ phiếu quỹ

► Tin kinh tế

Theo Cục Chế biến Nông lâm thủy sản và Nghề muối, năm nay, sản lượng cao su xuất khẩu ước đạt 1 triệu tấn, với giá trị khoảng 1.8 đến 2 tỷ USD. So với năm 2013, sản lượng cao su xuất khẩu giảm khoảng 10%, nhưng kim ngạch có thể giảm mạnh từ 25 đến 30%. Nguyên nhân là nhu cầu tiêu thụ trên thế giới vẫn tăng chậm, trong khi nguồn cung tăng nhanh do nhiều nước đã mở rộng diện tích cao su trong thời kỳ giá cao, cung vượt cầu, làm cao su có tồn dư từ cuối năm 2012 đã tạo áp lực giảm giá sâu trong những tháng đầu năm nay.

Ngày 9/9, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, Chủ tịch Hội đồng quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh cùng Bộ trưởng Bộ Kế hoạch & Đầu tư Bùi Quang Vinh đã có buổi làm việc đầu tiên cùng Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB) Axel van Trotsenburg về báo cáo "Việt Nam 2030". Trong báo cáo này, theo Ngân hàng Thế giới, 20 năm qua kinh tế Việt Nam tăng trưởng trung bình 5.7%, cao thứ hai thế giới. Tuy nhiên, nếu muốn bắt kịp những nền kinh tế như Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Việt Nam cần duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình 9% mỗi năm trong 20 năm tới. Trong trường hợp chỉ tăng trưởng trung bình 5-6% mỗi năm, Việt Nam sẽ nằm trong bẫy thu nhập trung bình.

Ngân hàng Thế giới (World Bank - WB) vừa công bố nghiên cứu về việc làm toàn cầu nhân dịp hội nghị của các Bộ trưởng Lao động của nhóm G20 tại Australia. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới nhận định, từ nay đến năm 2030, cần tạo ra thêm 600 triệu việc làm mới trên toàn cầu để đối phó với sự gia tăng dân số. Thế giới đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng việc làm chung, và đe dọa đến triển vọng tăng trưởng kinh tế. Nigel Twose, Giám đốc Ngân hàng Thế giới phụ trách về lĩnh vực lao động và việc làm cho biết: "Có ít nghi ngờ rằng, có một cuộc khủng hoảng chung về việc làm (...) Như những gì đã được chỉ ra trong nghiên cứu này, tồn tại tình trạng thiếu việc làm và việc làm có tay nghề cao".

► Tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ, CTCP Giống cây trồng Miền Nam (HOSE: SSC), 8 tháng, doanh thu thuần của SSC đạt khoảng 400 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 70 tỷ đồng. Được biết, theo báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét, 6 tháng đầu năm 2014, SSC đạt doanh thu thuần gần 318.6 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế gần 47.7 tỷ đồng. Chỉ tiêu cả năm nay của SSC là hơn 705 tỷ đồng doanh thu và 94.4 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Ngày 9/9/2014, SSC đã khánh thành trung tâm giống rau hoa tại huyện Củ Chi, TP. HCM. Đây là nơi CTCP Giống cây trồng Miền Nam sẽ tập trung nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh hạt giống rau hoa.

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (HOSE: PXT) và Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Lilama đã ký kết hợp đồng thầu phụ. Theo Phụ lục 7 của hợp đồng, giá tạm tính vào khoảng 281.56 tỷ đồng. Gần đây, PXT đã ký 2 hợp đồng với tổng giá trị lên tới 976 tỷ đồng với Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam. Theo đó, PXT sẽ đảm nhận gói thầu Đường ống cấp và thải nước làm mát và thi công Hệ thống lưới tiếp địa chính. Cùng năm trong dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, PXT và Lilama đã ký kết hợp đồng thầu phụ về việc Thi công lắp đặt thiết bị cơ điện - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

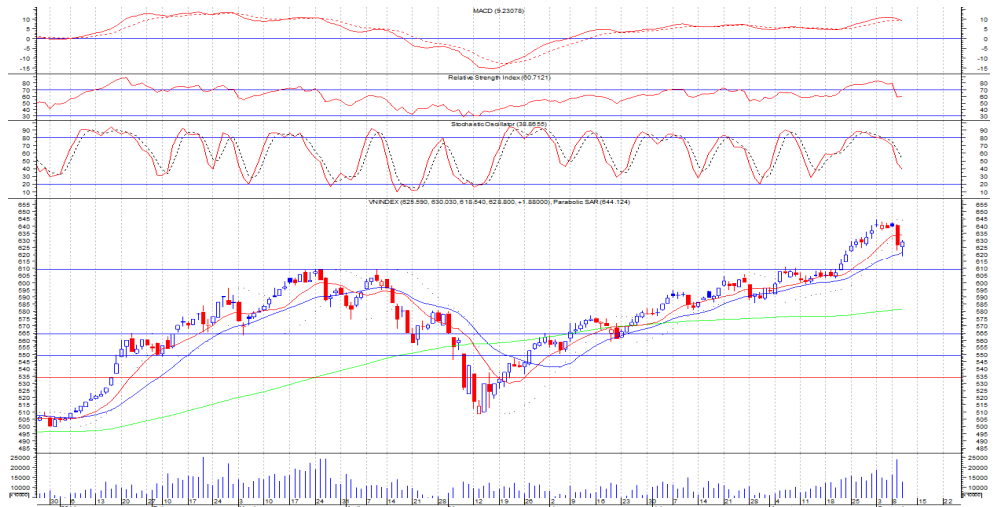
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (HOSE: SSI) thông báo, từ ngày 15/8 đến ngày 8/9, Công ty đã bán thành công toàn bộ 3,046,908 cổ phiếu quỹ. Mức giá bán bình quân là 28,389 đồng/CP, tương ứng tổng số tiền thu được từ việc bán lượng cổ phiếu hơn 86.5 tỷ đồng. Theo giải trình từ SSI, riêng trong hai ngày 19 và 20/8, khối lượng đặt bán thấp là do Công ty đặt bán giá tối thiểu 28,000 đồng/CP và tình hình thị trường thực tế cho thấy giá bán này không thể khớp lệnh được.

HOSE 10/09/2014 VNINDEX 628.79 1.88 0.30% 141,622,120 CP 2,451.50 bil VND

MA20 tỏ rõ sự hỗ trợ tốt cho chỉ số 2 sàn

VN-Index tăng 1,88 điểm (+0.30%), đóng cửa tại mức 628,80 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến vừa phải, chỉ số VN-Index cân bằng trở lại sau phiên mất điểm mạnh ngày hôm qua.

- MACD sụt giảm mạnh và cho tín hiệu bán ra. Đây là tín hiệu khá xấu cho TT.
- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc mạnh.
- MA10 đã bị phá vỡ, ngưỡng MA20 tỏ rõ là mốc hỗ trợ khá tốt cho VN-Index trong phiên ngày hôm nay. Một lần nữa VN-Index chạm ngưỡng này và bật tăng trở lại.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.2 (-2.3%)	14,231,930
FLC	0 (0.0%)	12,585,020
KBC	-0.5 (-3.5%)	4,917,490
SSI	0.2 (0.7%)	4,203,460
VIC	-0.5 (-0.9%)	3,656,420

HOSE Top 5 theo % tăng

KSH	1.1 (7.0%)	89,870
HAI	1.8 (6.8%)	22,390
STT	0.3 (6.8%)	5,600
PTC	0.4 (6.8%)	31,570
PXS	2.2 (6.8%)	2,665,670

HOSE Top 5 theo % giảm

SBC	-1 (-6.8%)	27,100
DTT	-0.4 (-6.3%)	5,010
HVX	-0.4 (-6.2%)	110
HTL	-0.9 (-5.3%)	30
BBC	-3 (-4.9%)	5,790

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VCB	18,3 tỷ	638,810
STB	8,7 tỷ	442,410
BVH	5,0 tỷ	110,650
DRC	3,3 tỷ	58,510
HSG	2,7 tỷ	62,390

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

ITA	-49,0 tỷ	5,683,180
KDC	-36,7 tỷ	545,330
KBC	-28,7 tỷ	2,094,590
SSI	-23,8 tỷ	833,350
PET	-7,7 tỷ	324,290

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-9,330,360	- 139.02

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục chịu lực bán khá lớn ở phiên sáng. Tuy nhiên, lực cầu khá tốt ở vùng MA20 đã giúp VN-Index cân bằng trở lại và đóng cửa xanh nhẹ.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 129 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng thanh khoản vẫn ở mức cao, nó cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng mạnh ở phiên hôm nay với giá trị 143 tỷ. Lượng mua ròng tập trung ở VCB. Bán nhiều ở KDC, ITA.
- ▶ VN-Index giao dịch cân bằng trở lại và nhiều khả năng sẽ xuất hiện những phiên hồi nhẹ. Tuy nhiên, nhiều khả năng nhịp hồi này sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Việc mua đuổi vẫn chưa nên diễn ra.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	121.0	229,295.00	19.7	6.4	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	109.0	109,012.93	18.0	5.9	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	28.6	76,219.58	16.6	1.7	10.6%	1.0%
VIC	1,382.4	55.0	76,030.49	16.3	4.4	27.6%	6.2%
MSN	735.8	83.0	61,072.08	-1,510.9	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	14.1	39,637.96	10.0	1.2	12.3%	0.7%
BVH	680.5	46.4	31,573.87	25.3	2.7	10.2%	2.1%
PVD	303.0	99.0	30,000.65	12.8	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	59.0	28,432.58	10.2	2.7	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

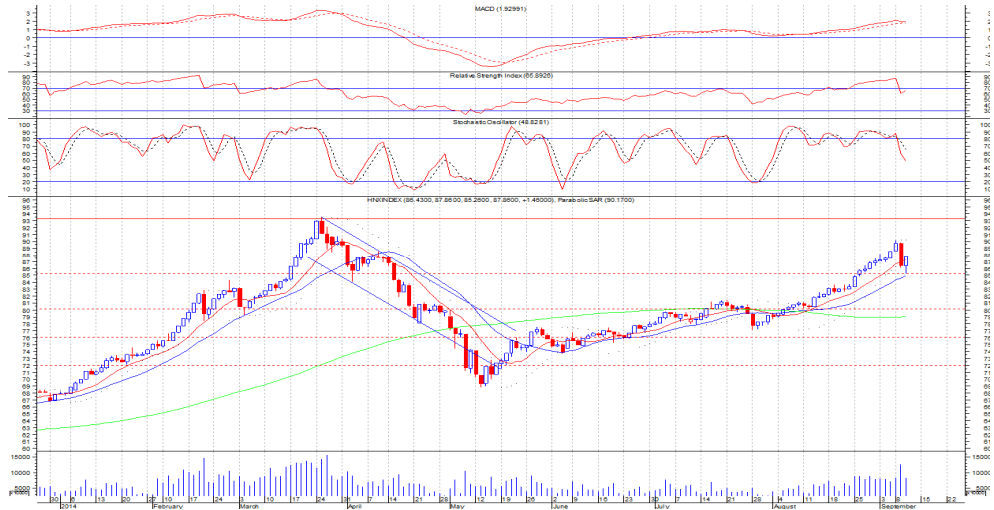
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	16.7	4,272.82	17.9	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	56.0	19,258.08	12.0	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.0	2,426.07	8.1	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	24.5	676.44	2.7	1.0	NA	TH.DOI

HNX 10/09/2014 HNX-Index 87.86 1.46 1.69% 85,973,478 CP 1,132.53 bil. VND

MA20 tỏ rõ sự hỗ trợ tốt cho chỉ số 2 sàn

Chỉ số HNX-Index tăng 1.46 điểm (+1.69%), đóng cửa tại mốc 87.86 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, HNX-Index giao dịch cân bằng trở lại sau phiên giảm điểm ngày hôm qua.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sụt giảm mạnh.
- MACD dừng đà giảm và vẫn chưa cho tín hiệu bán ra.
- RSI (14) tăng nhẹ trở lại mức 65.
- MA10 đã bị phá vỡ, MA20 tỏ rõ sự hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong phiên hôm nay.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.4 (7.0%)	15,766,910
SHB	0.1 (1.1%)	8,392,170
KLF	0.2 (1.6%)	6,699,080
PVS	1.1 (2.7%)	5,319,810
SCR	0.1 (1.0%)	4,577,220

HNX Top 5 theo % tăng

CSC	0.9 (10.0%)	16,200
S12	0.7 (10.0%)	100
BXH	1.1 (9.9%)	200
VAT	0.7 (9.9%)	18,100
TH1	1.9 (9.8%)	400

HNX Top 5 theo % giảm

NHA	-0.8 (-10.0%)	7,000
PTM	-0.7 (-10.0%)	100
SMT	-2.1 (-10.0%)	1,100
TAG	-2.6 (-9.7%)	4,200
ALT	-1.2 (-9.4%)	550

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VCG	2,3 tỷ	159,000
SHB	2,2 tỷ	230,700
PVC	2,0 tỷ	61,000
VND	0,5 tỷ	30,200
VNR	0,2 tỷ	9,990

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-18,2 tỷ	443,700
LAS	-1,0 tỷ	30,000
OCH	-0,8 tỷ	33,100
PMC	-0,7 tỷ	13,300
VDS	-0,4 tỷ	50,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-70,523	- 13.65

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục chịu lực bán khá lớn ở phiên sáng. Tuy nhiên, lực cầu khá tốt ở vùng MA20 đã giúp HNX-Index cân bằng trở lại và đóng cửa xanh nhẹ.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 82 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng thanh khoản vẫn ở mức cao, nó cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 8,6 tỷ. Khối này bán mạnh ở PVS, PVC. Trong khi mua nhiều ở VCG, VND.
- ▶ HNX-Index giao dịch cân bằng trở lại và nhiều khả năng sẽ xuất hiện những phiên hồi nhẹ. Tuy nhiên, nhiều khả năng nhịp hồi này sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Việc mua đuổi vẫn chưa nên diễn ra.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	42.1	18,806.09	10.3	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.5	8,417.79	9.7	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.6	6,448.98	11.2	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.2	5,040.00	82.9	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.6	4,187.94	14.0	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.7	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	35.0	2,724.12	6.9	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	47.0	2,647.95	7.2	2.1	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.7	1,432.60	8.9	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.8	665.28	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.7	1,669.98	15.1	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	47.0	2,647.95	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.5	1,675.00	9.8	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	41.0	322.87	6.5	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	13.73%	83.0	#####	4.30	234,334	318,619	239,574
VIC	HOSE	1,382.4	76,030.49	13.68%	55.0	16.27	4.38	2,624,250	1,958,559	1,002,917
HPG	HOSE	481.9	28,432.58	13.62%	59.0	10.16	2.68	1,233,766	1,041,408	925,343
PVD	HOSE	303.0	30,000.65	9.64%	99.0	12.79	2.70	429,890	409,352	385,565
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	8.07%	24.2	16.24	1.39	3,923,506	3,388,263	2,759,362
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	7.65%	20.0	8.12	1.31	425,197	322,482	983,278
VCB	HOSE	2,665.0	76,219.58	6.07%	28.6	16.57	1.71	714,312	601,365	462,814
DPM	HOSE	379.9	12,993.75	5.32%	34.2	9.96	1.41	2,399,216	1,752,780	1,160,220
ITA	HOSE	718.9	6,182.59	3.07%	8.6	68.18	0.81	11,502,575	8,832,105	5,996,329
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	2.45%	46.4	25.34	2.66	174,735	136,174	165,582
KBC	HOSE	389.8	5,339.71	2.33%	13.7	24.23	1.09	3,453,123	2,390,708	1,627,331
HSG	HOSE	96.3	4,257.04	2.28%	44.2	13.18	1.81	353,034	226,757	155,465
GMD	HOSE	116.1	4,006.76	1.97%	34.5	7.98	0.84	560,244	465,908	255,748
VSH	HOSE	206.2	3,052.37	1.58%	14.8	14.26	1.12	1,246,580	1,019,268	716,760
PPC	HOSE	318.2	7,413.00	1.47%	23.3	15.09	1.46	823,017	766,761	574,175
CSM	HOSE	67.3	3,021.41	1.45%	44.9	8.34	2.51	323,764	285,202	363,809
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.34%	57.5	12.52	3.40	209,666	213,610	237,516
HVG	HOSE	132.0	3,511.20	1.24%	26.6	28.36	1.43	1,361,601	1,049,562	804,275
PVT	HOSE	255.9	4,272.82	1.16%	16.7	17.92	1.48	2,314,171	2,186,261	1,806,880
DIG	HOSE	178.7	2,359.42	1.06%	13.2	63.26	0.98	330,518	301,057	204,627
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	0.82%	11.9	43.56	1.12	4,120,452	3,675,132	1,987,532

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	7.67%	20.0	8.12	1.31	425,197	322,482	983,278
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	7.43%	83.0	#####	4.30	234,334	318,619	239,574
VCB	HOSE	2,665.0	76,219.58	7.31%	28.6	16.57	1.71	714,312	601,365	462,814
VIC	HOSE	1,382.4	76,030.49	6.29%	55.0	16.27	4.38	2,624,250	1,958,559	1,002,917
DPM	HOSE	379.9	12,993.75	5.63%	34.2	9.96	1.41	2,399,216	1,752,780	1,160,220
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	5.63%	46.4	25.34	2.66	174,735	136,174	165,582
PVS	HNX	446.7	18,806.09	5.50%	42.1	10.33	2.19	4,513,770	3,947,469	3,022,086
PVD	HOSE	303.0	30,000.65	3.79%	99.0	12.79	2.70	429,890	409,352	385,565
ITA	HOSE	718.9	6,182.59	3.48%	8.6	68.18	0.81	11,502,575	8,832,105	5,996,329
SHB	HNX	886.1	8,417.79	3.36%	9.5	9.74	0.77	7,608,180	5,080,089	5,347,442
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	3.27%	24.2	16.24	1.39	3,923,506	3,388,263	2,759,362
VCG	HNX	441.7	6,448.98	3.21%	14.6	11.19	1.15	1,196,567	950,827	972,866
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	2.07%	11.9	43.56	1.12	4,120,452	3,675,132	1,987,532
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.52%	57.5	12.52	3.40	209,666	213,610	237,516
GMD	HOSE	116.1	4,006.76	1.49%	34.5	7.98	0.84	560,244	465,908	255,748
PPC	HOSE	318.2	7,413.00	1.32%	23.3	15.09	1.46	823,017	766,761	574,175
PVT	HOSE	255.9	4,272.82	1.16%	16.7	17.92	1.48	2,314,171	2,186,261	1,806,880
PVX	HNX	400.0	2,440.00	0.00%	6.1	- 1.84	3.08	12,741,315	10,761,760	7,384,265

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,382.4	76,030.49	0.00%	55.0	16.27	4.38	2,624,250	1,958,559	1,002,917
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.00%	83.0	#####	4.30	234,334	318,619	239,574
DPM	HOSE	379.9	12,993.75	0.00%	34.2	9.96	1.41	2,399,216	1,752,780	1,160,220
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	0.00%	24.2	16.24	1.39	3,923,506	3,388,263	2,759,362
VCB	HOSE	2,665.0	76,219.58	0.00%	28.6	16.57	1.71	714,312	601,365	462,814
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.00%	20.0	8.12	1.31	425,197	322,482	983,278
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	0.00%	46.4	25.34	2.66	174,735	136,174	165,582
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	663,665	464,585	342,160
GAS	HOSE	1,895.0	229,295.00	0.00%	121.0	19.65	6.44	335,045	362,079	319,254

Công ty quản lý **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ **19/09/2011** SLCKVN **9/142**
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTSQL **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.88%	83.0	#####	4.30	234,334	318,619	239,574
VIC	HOSE	1,382.4	76,030.49	0.56%	55.0	16.27	4.38	2,624,250	1,958,559	1,002,917
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.31%	20.0	8.12	1.31	425,197	322,482	983,278
VCB	HOSE	2,665.0	76,219.58	0.24%	28.6	16.57	1.71	714,312	601,365	462,814
DPM	HOSE	379.9	12,993.75	0.15%	34.2	9.96	1.41	2,399,216	1,752,780	1,160,220
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	0.08%	46.4	25.34	2.66	174,735	136,174	165,582

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **12/09/2012** SLCKVN **6/102**
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTSQL **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **01/12/2010** SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số **01/12/2010** TGTSQL **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,485	6.8	0.9	13.7%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,826	9.5	1.5	16.6%	11.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,675	24.6	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	810	7.1	0.9	12.5%	6.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,791	17.4	2.2	20.5%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,865	3.2	0.9	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,206	67.2	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,588	16.0	1.4	11.5%	7.6%
Xây dựng	31,666	47.4	1.2	-0.5%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,148	8.1	1.2	16.4%	8.4%
Công nghiệp phức hợp	800	6.6	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,309	6.6	0.9	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,723	17.6	0.9	0.9%	-0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	13.7	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,544	9.0	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,411	3.3	1.2	4.3%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,784	8.5	1.5	18.8%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,064	7.8	1.5	18.4%	11.5%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,919	9.8	1.6	14.0%	6.8%
Đào tạo & Việc làm	232	9.6	0.7	8.4%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	184	8.2	0.8	11.2%	4.7%
Chất thải & Môi trường	170	2.6	0.8	34.8%	16.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,276	19.7	1.4	11.9%	6.5%
Lốp xe	8,171	10.2	2.9	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,535	7.7	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	305	13.6	2.1	16.0%	10.1%
Đồ uống & giải khát	213	6.1	1.1	14.3%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	19,872	11.5	1.9	18.3%	6.6%
Thực phẩm	200,536	24.4	4.9	20.7%	16.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	70	17.6	0.9	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,327	7.8	1.1	14.4%	7.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	640	50.5	1.6	2.6%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,544	9.4	1.8	18.6%	7.3%
Giày dép	7	1.0	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,115	9.5	1.8	18.1%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	706	7.9	1.1	-0.5%	4.1%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		938	14.6	1.0	6.7%	3.9%
Dụng cụ y tế		157	3.2	1.8	38.0%	16.2%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		158	7.2	0.9	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,443	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		244	45.9	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		693	10.7	1.1	13.0%	7.7%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,903	10.7	1.7	16.6%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,103	9.7	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,648	72.4	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí		3,338	13.0	1.3	14.7%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,367	18.0	2.8	22.3%	19.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		612	14.7	0.8	5.5%	2.0%
Internet		326	68.8	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		19,378	12.0	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		448	15.5	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng		282	4.8	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		11,621	30.0	6.8	33.6%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		24,702	-	5.8	1.3	-15.9%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		233,961	19.1	6.3	33.1%	22.7%
Nước		1,251	6.7	1.1	16.8%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,256	7.2	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,601	11.9	0.7	6.2%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,726	8.7	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		30,961	25.3	2.7	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,540	43.6	1.1	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán		27,180	13.7	1.6	9.5%	7.1%
Ngân hàng						
Ngân hàng		248,001	11.5	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		164,136	16.9	2.9	20.4%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		51,703	11.6	2.5	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.